

Biện Chứng Pháp Osho

• Nguyễn Đình Phong

TINH THẦN KHOA HỌC

Năm 1905, lúc mới hai mươi sáu tuổi, Albert Einstein đã làm đảo lộn hoàn toàn trật tự khoa học với ba bài báo đăng trên Niên Giám Vật Lý xuất bản tại Đức. Bài thứ nhất giải thích sự hiện hữu của nguyên tử dựa trên Cơ Học Thống Kê (statistical mechanics) của James Maxwell, Ludwig Boltzmann và J. Gibbs. Bài thứ hai bàn về tác động của quang điện (photoelectric effects) dựa trên khám phá mới nhất của Max Plank. Bài thứ ba bàn về thuyết tương đối giới hạn (special theory of relativity).

Mặc dù đóng góp quan trọng nhất của Einstein là thuyết tương đối, bài thứ hai được coi là cách mạng nhất. Trong bài này Einstein giả thiết là ánh sáng được hợp bởi những hạt điện (photon), và hạt điện của ánh sáng có tần số cao có nhiều năng lượng hơn hạt của ánh sáng có tần số thấp. Được coi là cách mạng vì trước đó 120 năm nhà vật lý người Anh, Thomas Young, đã chứng minh được là ánh sáng hợp bởi những làn sóng có tần số nhất định nào đó. Điều này cho tới nay chưa ai phủ nhận được, kể cả Einstein. Vì lý do đó thuyết quang điện của Einstein trong gần hai mươi năm không được chấp nhận, mãi đến năm 1923, khi hai nhà vật lý Compton và Debye xác nhận được bằng thí nghiệm. Năm ấy với thuyết quang điện Einstein đã đoạt giải Nobel vật lý. Ngày nay khoa học phải chấp nhận là ánh sáng vừa là hạt (particles), vừa là sóng (waves). Điều này hoàn toàn mâu thuẫn nhau. Louis de Broglie nói không những sóng là hạt mà hạt cũng là sóng!(1)

Nguyễn Đình Phong từ 1980 là đệ tử của thiền sư Osho Rajneesh. Tốt nghiệp thạc sĩ (master of science) toán học từ University of Missouri, 1979, hiện đang là kỹ sư điện tử ở Nam California.

Bài học rút ra từ câu chuyện khoa học là, trong khoa học cũng như trong mọi lãnh vực, con người sáng tạo cần phải có một tinh thần hồn nhiên (innocence) của một trẻ nhỏ. Đến thế gian như tờ giấy trắng, trẻ nhỏ gặp gì cũng thắc mắc, thấy gì cũng hỏi, nghĩ sao nói vậy. Tinh thần hồn nhiên ấy không bị trói buộc bởi truyền thống, quá khứ. Kết quả của tinh thần hồn nhiên ấy là sự tự tin mãnh liệt ở chính mình. Sự tự tin ấy phát xuất từ sức mạnh nội tại. Sức mạnh ấy giúp người sáng tạo dám nói lên những điều trái ngược tin tưởng của đám đông. Sự tự tin mạnh mẽ ấy không phải sự ngoan cố của một người thiếu học, mà là sự đoán kết của một người biết chắc những điều mình trực giác được.

Tinh thần khoa học ấy ta sẽ dùng để định giá những khoa học cổ mà từ mấy ngàn năm qua từng là nền tảng của các nền văn minh đông phương. Dịch học là một trong những khoa học đó; đó là cái học mà người Tàu hãnh diện nhất vào cho đó là cái học cao nhất, quan trọng nhất. Dịch học từ mấy ngàn năm qua từng là một mối bận tâm của những bộ óc vĩ đại nhất viễn đông, và đã được nhiều thế hệ bỏ công đóng góp. Trong mấy ngàn năm lịch sử văn minh viễn đông, ảnh hưởng của Dịch hiện diện trên mọi lãnh vực, từ tư tưởng, học thuật, tổ chức chính trị, xã hội, binh pháp, âm nhạc, nghệ thuật.... Ngay cả Khổng Tử và Lão Tử cũng được nói là đã xây dựng học thuyết trên nền tảng của Dịch. Nhất là từ lúc hai nhà vật lý người Tàu là Lý Chính Đạo và Dương Chấn Ninh của đại học đường Princeton đoạt giải Nobel vật lý năm 1957; phát kiến của họ được nói là đã dựa vào Dịch khi nghiên cứu phóng xạ (radiation). Kể từ đó phát xuất nhiều phong trào "về nguồn" mà Dịch được chú trọng nhiều nhất. Vì vậy việc nghiên cứu Dịch bằng những phương pháp khoa học là một việc tối cần.

Hiện nay đang có một phong trào tự xét lại di sản văn hóa cũng như sự lệ thuộc văn hóa của mình trong giới trí

DỊCH CỔ ĐIỂN VÀ KHOA HỌC

thức trẻ tốt nghiệp tại các đại học Âu Mỹ. Tiêu biểu nhất là nhóm chủ trương tạp chí Triết. Sự lệ thuộc văn hóa đó cần phải được khẳng định là lệ thuộc văn hóa Trung Hoa, Vì vậy, việc định giá cái học cao nhất của người Tàu một cách gián tiếp cũng chính là tự định giá chính mình.

Mục đích của bài viết này tóm lại gồm những điểm sau đây:

1. Bác bỏ hoàn toàn Dịch học của người Tàu bằng cách vạch ra một số những sai lầm của cái học đó cũng như những lối lý luận thiếu khoa học của họ.
2. Những sai lầm đó sẽ được giải thích lại dựa trên Vòng Biến Đổi Osho cùng với hai luật số ba (law of three) và luật số bảy (law of seven).
3. Vòng Biến Đổi Osho rút gọn chính là quy luật Thành, Trụ, Hoại, Không đã được các nền văn minh xưa nay nhận ra.
4. Một dạng khác của Vòng Biến Đổi Osho là Biện Chứng Pháp Osho; phương pháp này được dùng để giải thích mọi thay đổi, mọi hiện tượng trong vũ trụ này.
5. Áp dụng vào Dịch học, Biện Chứng Pháp Osho chính là Hậu Thiên Bát Quái.
6. Biện Chứng Pháp Osho cùng với hai luật số ba và luật số bảy chính là nền tảng triết học và khoa học của Osho Chu Dịch, khác với Dịch của người Tàu trên Hà Đồ và Lạc Thư. (Thật ra, Hà Đồ và Lạc Thư không có trong Dịch và do đời sau đặt ra (2)).
7. Osho Chu Dịch là một khoa Dịch học mới được gợi ý từ giáo lý của sư phụ tôi, Osho Rajneesh, một thiền sư đã ngộ đạo.
8. Khác với Dịch của người Tàu, Osho Chu Dịch không nói về biến hóa mà nói về tiến hóa - tiến hóa từ vô thức đến siêu thức, từ con vật đến thánh nhân. (3)
9. Osho Chu Dịch sẽ không dùng đến Thập Dục. Đó chỉ là những hòa mù đời sau đặt ra làm cho Dịch khó hiểu hơn.
10. Osho Chu Dịch cũng là một trong những nỗ lực của người Việt quyết tâm bước ra khỏi quỹ đạo văn hóa của Tàu. Sự lệ thuộc văn hóa này đã kéo dài quá lâu và đã gây ra quá nhiều tai hại khốc liệt.

Trước hết, ta hãy bàn về những điểm thiếu khoa học của Dịch học.

Ta cần phân biệt Dịch học và Dịch. Dịch học là những giải thích về Dịch của người Tàu. Dịch tất cả chỉ là những câu nói rời rạc, không hệ thống và được phân ra 64 nhóm gọi là quẻ, và mỗi quẻ lại có một tiểu nhóm gọi là hào. Để phân biệt với Osho Chu Dịch, ta sẽ gọi Dịch học của người Tàu là Dịch Cổ Điển.

Mặc dù Dịch học đã có một truyền thống lâu đời và ảnh hưởng sâu rộng như vậy, nếu được mổ xẻ theo những tiêu chuẩn khoa học, ta sẽ thấy những lối lập luận rất ấu trĩ, những điều giải thích có rất nhiều mâu thuẫn, ngụy biện. Dịch học theo tinh thần ấy không đủ tiêu chuẩn của một khoa học, cũng không thể gọi là một triết lý. Vì thiếu một cương lĩnh chỉ đạo và một phương pháp luận vững chắc, những lời giải thích thường rời rạc và thiếu hẳn chiều sâu. Và như vậy cho tới nay Dịch vẫn chưa được hiểu một cách thấu đáo. Carl Jung, một trong những bộ óc vĩ đại nhất thế kỷ hai mươi, viết trong bài giới thiệu cuốn The I Ching của Richard Wilhelm, "Càng ít nghĩ về lý thuyết của Kinh Dịch bao nhiêu, càng dễ ngủ bấy nhiêu." (4) Dịch thất bại vì không thỏa mãn nổi những tâm hồn khoa học, kỹ thuật, mà lý do chính là phương pháp luận của cái học đó. Một người có ít nhiều căn bản lý luận sẽ nhận ra rất nhiều sơ hở, mâu thuẫn và ngụy biện trong phương pháp luận ấy. Điều này chắc chắn sẽ làm những nhà Dịch học, Tử Vi, Địa Lý bất bình. Căn cứ vào đâu để quả quyết như vậy? Khi bàn về nền tảng triết lý cùng với sáu mươi bốn quẻ Dịch và Tiên Thiên Bát Quái của Osho Chu Dịch, hai quẻ Địa Lôi Phục và Sơn Phong Cổ đã được dùng để kiểm chứng. (5) Ta sẽ có dịp trở lại hai quẻ đó trong bài này. Ở đây ta sẽ nêu thêm một số bằng chứng khác bằng cách trình bày vắn tắt quẻ Địa Trạch Lâm và thuyết Ngũ Hành.

Lâm có nhiều nghĩa khác nhau. Trong ngôn ngữ của Dịch, Lâm nghĩa là sắp lớn. Quẻ Lâm nói, "Sắp lớn. Đầu tiên, hanh thông, lợi, chính đáng. Tám tháng nữa sẽ có tai họa". Tại sao tám tháng nữa có tai họa? Có nhiều thuyết khác nhau giải thích hai chữ "tám tháng", nhưng không thuyết nào đáng tin. (6) Ở đây ta sẽ đưa ra ba giải thích và sẽ có một vài nhận xét.

1. Từ quẻ Phục, tháng 11 tại cung Tý, có một nét dương bên dưới và năm âm bên trên, đến Lâm, tháng 12 tại Sửu, gồm hai dương và bốn âm, qua Thái, Đại-tráng, Quải, Càn, Cấu đến Độn là vừa tám tháng. Khí dương mạnh nhất tại Càn gồm 6 nét dương tại Tị. Khí âm bắt đầu tại quẻ Cấu, cung Ngọ. Quẻ Độn tại Mùi

Biện Chứng Pháp Osho

gồm hai âm bên dưới và bốn dương bên trên; dương rõ ràng là thể tiêu, và âm là thể thắng. Đó nghĩa là tai họa.

- 2. "tám tháng" cũng có thể nói là tháng tám. Tháng tám là quẻ Quán tại Dậu. Quán có 4 âm bên dưới và 2 dương bên trên; dương tiêu, âm trưởng; thể đạo còn gì tốt nữa đâu. (7)
- 3. "tám tháng" có thể được giải thích một cách khác. Từ Lâm qua Thái, Đại-tráng, Quải, Càn, Cấu, Độn đến Bi là tám. (8) Bi nghĩa là bế tắc, khốn cùng. Bi là thời kỳ tiểu nhân lũng đoạn chính quyền, mặc tình làm mưa làm gió; người quân tử lại bất đắc dụng, bất phùng thời. (9)

Trên đây là những giải thích của Dịch Cổ Điển với đầy đủ bằng chứng của những mâu thuẫn và ngụy biện.

- 1. Trước khi nói đến "sấp lớn" phải nói thể nào là lớn. Theo những giải thích bên trên, "lớn" là lúc khí dương mạnh nhất tại quẻ Càn, cung Tị. Càn có sáu dương mà Lâm mới có hai. Mới có hai dương đã nói là sấp lớn. Từ ba dương đến năm dương phải diễn tả cách nào? Sao không đợi đến quẻ Quải có năm dương hãy nói là sấp lớn?
- 2. Tại sao khí dương lớn lên là tốt mà âm lớn lên là xấu? Tại sao nói khí dương trở lại (Phục) mà không nói khí âm trở lại? Người Tàu sống gần Bắc Cực nên cái lạnh mùa Đông là một đe dọa thường xuyên. Ngược lại, những nơi gần Xích Đạo cái nóng mùa Hè mới là mối ưu tư. Vì vậy, hai mùa Xuân, Thu rất quan trọng đối với người Tàu. Nhưng những nước gần Xích Đạo, như người Việt hoặc người Ấn, coi trọng Tết Đoan Ngọ hơn. Tết Đoan Ngọ (10) được tổ chức mỗi năm vào ngày Năm tháng Năm âm lịch - rất gần ngày Hạ Chí, ngày 21 tháng Sáu dương lịch. Đây là chưa nói đến hai nửa bắc và nam bán cầu khí hậu trái ngược hẳn nhau; mùa Đông ở phương Bắc sẽ là mùa Hè phía Nam. Như vậy, lấy thời tiết để giải thích Dịch rõ ràng là chưa nắm vững vấn đề. Và lại, những quy luật của vũ trụ không phải chỉ áp dụng cho một vùng đất nào trên trái đất. Còn những thiên thể khác thì sao?
- 3. Quẻ Càn, theo sự sắp xếp của Dịch Cổ Điển, thuộc cung Tị. Quẻ Càn là lúc khí dương mạnh nhất. Ngọ là phương chính Nam; Ngọ cũng là lúc mặt trời đứng bóng; hơn nữa, tháng Ngọ là tháng Năm, tháng của ngày Hạ Chí. Khí dương mạnh nhất phải ở Ngọ. Mâu thuẫn này bắt nguồn từ sự hiểu lầm thuyết Tam Tài mà ta sẽ có dịp nói qua bên dưới. Mâu thuẫn này đưa

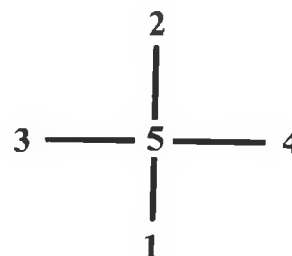
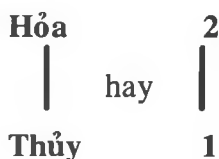
đến một mâu thuẫn khác của Tử Vi. Trong Tử Vi, vị trí tốt nhất của Thái Dương (mặt trời) là Ngọ, không phải Tị. Phú Huỳnh Kim của Tử Vi có câu, "Nhất dương sinh ư Dần. Nhất âm sinh ư Thân." Nghĩa là khí dương bắt đầu tại Dần, và khí âm bắt đầu tại Thân. Điều này trái với Dịch Cổ Điển; dương đầu tại Tý và âm đầu tại Ngọ. Những điều trái ngược này không nghe ai nói đến. Vậy mà Dịch được coi là nền tảng của Tử Vi đây.

- 4. Đặt quẻ Phục tại Tý cũng vô lý nữa. Phục nghĩa là trở lại, bắt đầu. Hậu Thiên Bát Quái đặt Khảm (nước) tại Tý. Khảm là cản trở, nguy hiểm. Bắt đầu một chu kỳ mới tại một nơi nguy hiểm, cản trở không được hợp lý lắm. Thuyết Quái truyện có câu, "Vạn vật xuất hồ Chấn." Nghĩa là mọi vật sinh tại Chấn (sấm sét). Chấn đóng tại Dần và Mão. Tại sao không đặt quẻ Phục tại Dần hay Mão? Lý do đưa đến sự vô lý ấy sẽ được bàn bên dưới. Chu kỳ mới đó, theo Osho Chu Dịch, sẽ bắt đầu tại Mão.
- 5. Theo giải thích thứ hai, tai họa sẽ xảy ra tại Dậu. Tai họa không thể xảy ra tại Dậu. Tại sao? Theo Hậu Thiên Bát Quái, Dậu thuộc Đoài - nghĩa là vui vẻ, hoà thuận. Tai họa và vui vẻ không thể cùng xảy ra tại một nơi. Dịch Cổ Điển quên hẳn điều này.
- 6. Giải thích thứ ba có vẻ hợp lý hơn, nhưng lại có một trục trặc khác. Từ Lâm đến Bi mới có bảy, không phải tám! Ta sẽ trở lại phần này trong mục luật số ba và luật số bảy.

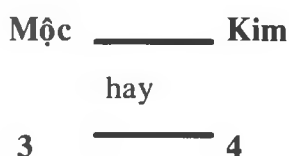
Những lối giải thích thiếu khoa học như trên trong Dịch Cổ Điển gần như đâu cũng có. Khả năng triết lý của họ sẽ được thấy rõ trong thuyết Ngũ Hành. Thật ra, địa vị của Ngũ hành còn cao hơn Dịch. Họ từng nói, "Hành đạo diệc chi thông xung" - nghĩa là nói về Ngũ Hành cũng là nói về đạo. Vậy mà họ không thể trình bày thuyết Ngũ Hành một cách rõ ràng, hệ thống. Học giả Nguyễn Văn Thọ viết, "Quan niệm Ngũ Hành được các học giả Đông Tây bàn cãi rất nhiều. Đi vào chi tiết sẽ không bao giờ cùng." (11) Lý do rõ ràng là vì Ngũ Hành chưa bao giờ được giải thích một cách minh bạch. Vì lý do đó Ngũ Hành bị nhiều học giả đòi sau coi khinh (12). Một trục trặc khác của Ngũ Hành là Dịch không trực tiếp đề cập đến Ngũ Hành (13). Ta sẽ trình bày thuyết Ngũ Hành dựa theo Kim Định trong cuốn Sứ Điệp Trống Đồng, chương Cơ Cấu Với Thuyết Ngũ Hành và sẽ có một vài nhận xét.

NGŨ HÀNH

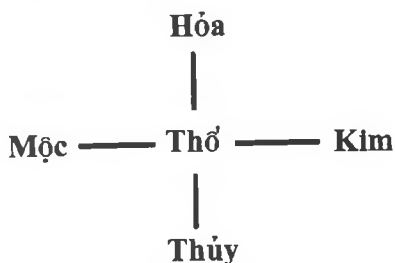
Ngũ Hành là một phát triển từ thập tự nhai (chữ thập) gồm một đường dọc và một đường ngang. Dọc là Thủy Hỏa với hai số 1 và 2.



Ngang là Kim Mộc với hai số 3 và 4.



Hai trục ngang và dọc giao nhau là Thổ, hay 5, ở giữa như hình sau:



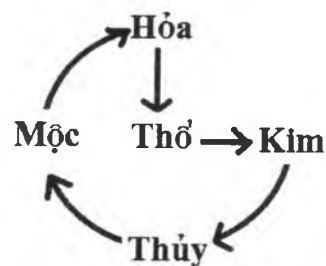
Như vậy, Ngũ Hành được xếp theo một cơ cấu ngang dọc ứng với 1, 2, 3, 4, 5.

Ngũ Hành được gắn liền với bốn mùa: Mộc = Xuân; Hỏa = Hạ; Kim = Thu Thủy = Đông. Thổ ở trong cả bốn mùa nên được gọi là Túc Quý.

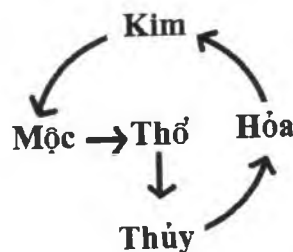
Bốn hướng cũng được chia theo Ngũ Hành: Đông = Mộc; Hỏa = Nam; Tây = Kim; Bắc = Thủy; Thổ ở giữa.

Mỗi hành lại có một màu khác nhau: Mộc = xanh; Hỏa = đỏ; Thủy = đen; Thổ = vàng.

Ngũ Hành có vòng sinh và vòng khắc. Vòng sinh theo chiều kim đồng hồ là Kim sinh Thủy; Thủy sinh Mộc; Mộc sinh Hỏa; Hỏa sinh Thổ, và Thổ sinh Kim.



Vòng khắc ngược chiều kim đồng hồ là Kim khắc Mộc; Mộc khắc Thổ; Thổ khắc Thủy; Thủy khắc Hỏa, và Hỏa khắc Kim.



Ngũ Hành lại có bốn thứ tự khác nhau. Chính vì lý do đó không một học giả nào muốn ngó ngang đến Ngũ Hành(14). Bốn thứ tự đó được liệt kê như sau:

- 1. Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.
- 2. Thủy, Hỏa, Mộc, Kim, Thổ.
- 3. Kim, Thủy, Mộc, Hỏa, Thổ.
- 4. Thủy, Hỏa, Kim, Mộc, Thổ.

Biện Chứng Pháp Osho

Ảnh hưởng của Ngũ Hành ở khắp nơi trong vũ trụ.

Mười thiên can cũng được phân chia theo Ngũ Hành:

- Giáp và Ất thuộc Mộc.
- Bính và Đinh thuộc Hỏa.
- Mậu và Kỷ thuộc Thổ.
- Canh và Tân thuộc Kim.
- Nhâm và Quý thuộc Thủy.

Mười hai địa chi được phân như sau:

Dần, Mão - Mộc.

Tị, Ngọ - Hỏa.

Thân, Dậu - Kim.

Hợi, Tí - Thủy.

Thìn, Tuất, Sửu, Mùi - Thổ.

Trên đây là những nét chính của Ngũ Hành. Muốn hiểu rõ trước hết phải hỏi tại sao gọi là Ngũ Hành? Hành là gì?

Hành nghĩa là đi. Những chữ như "hành quân", "hành khúc" hay "hành tinh" đều gợi ý đi, chuyển động, thay đổi. Richard Wilhelm dịch Ngũ Hành là "Năm giai đoạn biến đổi." (15) Như vậy, Ngũ Hành là một chu kỳ biến đổi gồm những giai đoạn khác nhau, và những giai đoạn ấy được biểu tượng hóa bằng hũng hình ảnh khác nhau như: Mộc (gỗ), Hỏa (lửa), Thổ (đất), Kim (sắt) và Thủy (nước). Từ ý nghĩa đó ta có một vài nhận xét như sau:

- 1. Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ chỉ là những tên gọi khác nhau để để hình dung những giai đoạn biến đổi khác nhau trong cùng một chu kỳ. Trong thay đổi không có nước, lửa, sắt, gỗ và đất. Ý nghĩa thật sự của những tên gọi đó không ai bàn đến.
- 2. Nói đến một chu kỳ biến đổi phải có một thứ tự nhất định. Vì Ngũ Hành có đến bốn thứ tự khác nhau, ta có thể kết luận là không một ai thực sự hiểu thế nào là Ngũ Hành.
- 3. Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ chỉ là những hình ảnh tượng trưng biểu tượng những giai đoạn biến đổi trong cùng một chu kỳ. Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ không phải vật chất mà nhất định phải có những màu sắc khác nhau là hoàn toàn phản khoa học.
- 4. Nói đến biến đổi là nói đến thời gian. Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ nằm trong thời gian mà được dùng để chia không gian ra những vùng khác nhau là hiểu sai hoàn toàn.
- 5. Trong một chu kỳ biến đổi giai đoạn này tiếp nối giai đoạn kia, cũng như trong một ngày từ sáng tới

trưa, đến chiều và tối. Không thể nói sáng sinh trưa, trưa sinh chiều và chiều sinh tối; cũng không thể nói cái này khắc cái kia. Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ không phải vật chất mà cái này sinh cái kia, hay cái khác khắc cái này là hoàn toàn vô lý.

Những con số 1, 2, 3, 4, 5 được xếp theo Thập Tự Nhai, mặc dù được nhiều học giả bàn tán rất nhiều, trên mặt triết lý chẳng có giá trị gì. Căn cứ vào quy luật nào để có vòng sinh 1-3-2-5-4-1, hay vòng khắc 1-2-4-3-5-1. Tuy không có ý nghĩa gì, những con số đó từ lâu làm chỗ núp cho nhiều pháp môn ma thuật, mà cũng là nền tảng cho những khoa học nhảm nhí như Tử Vi, Địa Lý, Phong Thủy, Bói Toán...

Tại sao có rất nhiều mâu thuẫn và vô lý trong Dịch Cổ Điển mà từ mấy ngàn năm qua không ai nhận ra. Có hai lý do. Trước hết, người Tàu đã thành công trong việc thêu dệt huyền thoại là chính Khổng Tử đã đích thân san định Dịch. Khổng Tử được nói là về gia học Dịch, đọc Dịch, đọc đến ba lần dứt lẽ sách mới làm ra các thiên truyện(16). Trong Luận Ngữ cũng nhắc đến việc Khổng Tử học Dịch, "Nếu trời cho ta sống thêm ít năm nữa, cho ta học Đạo Dịch, thì ta sẽ không phạm lỗi lớn nữa(17). Ở đoạn khác Ngài lại thốt lên những câu liên quan đến Dịch, "Chim Phụng chẳng đến, Hà Đồ không hiện. Ôi thôi! Đạo ta chẳng thi hành được rồi."(18) Vì vậy, việc làm của một thiên tài, thánh trí như vậy ai có thể nghi ngờ được. Đó chính là lý do duy nhất mà Carl Jung, nhà tâm lý đại danh của thế kỷ hai mươi, đã chấp nhận Dịch(19). Thực ra, Khổng Tử không viết, không san định, không giảng bất cứ một tác phẩm nào, kể cả Luận Ngữ(20).

Lý do thứ hai là người Tàu có rất nhiều cái hay, cái đẹp, nhưng họ không tạo nổi một luận lý cho riêng mình. Có ai nghe nói đến luận lý học của người Tàu chưa? Vì thiếu hẳn một khoa luận lý, họ không thể tạo nổi một triết gia có tầm mức như Shankara, Nargajuna, Asanga, Vasubandhu, Ramanuja...(21) mặc dù họ có thể đào tạo được những thánh nhân đặc đạo như Khổng Tử, Lão Tử, Trang Tử, Liệt Tử, Huệ Năng, Huệ Khả, Mã Tổ, Triệu Châu...

Thuyết Tam Tài là một bằng chứng khác về khả năng triết lý của người Tàu; được coi là quan trọng nhất trong triết học Trung Quốc, nhưng không một ai thực sự hiểu rõ. Học giả Hán Chương Vũ Đình Trác viết, "Tam tài là một vấn đề rộng lớn trong triết lý Kinh Dịch. Các sách Nho học của Trung Hoa và Nhật Bản thỉnh thoảng có

nhắc đến hai chữ Tam Tài, nhưng trình bày như một hệ thống triết học, chưa có ai khởi thảo. Bộ sách Tam Tài Đồ Hội của các văn gia đời Minh biên soạn gồm sáu cuốn lớn cũng chỉ nói dài rộng về Thiên Văn, Địa Văn và Nhân Văn, theo hình thức ngoại diện với tính cách bác học mà thôi." (22)

Tóm lại, Dịch Cổ Điền và Ngũ Hành đã nhiều ngàn năm phát triển, nhưng nếu được phân tách một cách khoa học sẽ lòi ra rất nhiều mâu thuẫn, ngụy biện. Đó là kết quả của sự thiếu sót một phương pháp luận để hướng dẫn suy luận.

Mặc dù Osho Chu Dịch không có chỗ đứng cho Ngũ Hành, Osho Chu Dịch có thể rọi ánh sáng vào cái học đó, cũng như giải thích được những bế tắc của Dịch Cổ Điền. Trước khi bàn đến những vấn đề đó, ta cần phải nói qua về bốn quy luật xã hội của P. R. Sarkar. Đó là một áp dụng độc đáo của Osho Chu Dịch vào triết lý lịch sử, sử quan. Quy luật xã hội của P. R. Sarkar chính là một hình thức rút gọn của biện chứng pháp Osho.

BỐN QUY LUẬT XÃ HỘI CỦA P. R. SARKAR

Ngày 11-9-1989 bức tường Berlin sụp đổ. Bức tường đó từng là một biểu tượng vững mạnh của quốc tế Cộng Sản. Cả thế giới sững sốt; không ai có thể ngờ một tổ chức vĩ đại nhất trong lịch sử loài người có thể tan rã chỉ trong hơn bảy mươi năm. Đối với tiến sĩ Ravi Batra đó là một giai đoạn lịch sử không tránh được. Rất nhiều người biết đến Ông qua tác phẩm nổi tiếng *The Great Depression of 1990's* (Khủng hoảng kinh tế thập niên 1990). Ông đã căn cứ trên bốn quy luật xã hội của Prabhat Ranjan Sarkar để đưa ra những tiên đoán vô cùng táo bạo, và rất nhiều tiên đoán đã thành sự thật. Cũng với bốn quy luật xã hội ấy Ông đã tiên đoán sự tan rã của chủ nghĩa Cộng Sản và Tư Bản - điều mà các tên tuổi lớn của triết lý lịch sử như Karl Marx, Oswald Spengler và Arnold Toynbee hoàn toàn thất bại. Năm 1978, Ông cho in cuốn *The Downfall of Capitalism and Communism* (23) (Sự sụp đổ của Tư Bản và Cộng Sản Chủ Nghĩa), tiên đoán sự sụp đổ của cả Tư Bản lẫn Cộng Sản; Ông ước đoán Cộng Sản sẽ sụp đổ khoảng đầu thập niên 1990. Đó là một tiên đoán ngoài sức tưởng tượng của con người. Cộng Sản vừa thắng ở Đông Dương năm 1975, Angola 1977; cũng trong khoảng thời gian đó những đạo quân chí nguyện của Fidel Castro tung hoành khắp Phi Châu. Tư Bản vẫn còn mạnh,

nhưng theo Ông, bắt đầu từ 1992 sự suy thoái bắt đầu tăng gia tốc. Ông cũng tiên đoán khoảng năm 2010 cả Tư Bản lẫn Cộng Sản sẽ hoàn toàn biến khỏi mặt đất và sẽ được thay thế bởi một chủ nghĩa khác nhân bản hơn. Rất nhiều học thuyết khác nhau đã được đề nghị. P. R. Sarkar cũng đưa ra một chủ thuyết. Osho cũng có một chủ thuyết gọi là Meritocracy trao quyền lãnh đạo cho giới trí thức, thay vì chính trị gia như từ trước đến nay.

Bốn quy luật xã hội của P. R. Sarkar quan trọng như vậy, ta cần phải xét qua trước khi đi vào Biện Chứng Pháp Osho.

Xã hội Trung Hoa cổ chia người làm bốn loại: Sĩ, Nông, Thương, Binh. Sĩ là những nho sĩ, nói chung là giới trí thức. Nông là người làm ruộng, hay lao động. Binh là giới quân sự, lính tráng. Thương là những người buôn bán, kinh doanh. Bốn loại này được phân loại theo nghề nghiệp; cũng vì vậy một người từ loại này có thể thay đổi sang loại khác khi thay đổi công việc. Ấn Độ cũng chia người ra bốn loại khác nhau: Binh (Kshatriyas), Trí Thức (Brahmin), Thương (Vaishyas) và Lao Động (Shudas). Sự phân loại này dựa theo huyết thống. Vì vậy, không có sự thay đổi từ loại sang loại khác.

Thay vì dựa theo huyết thống để phân loại, P. R. Sarkar căn cứ theo bản chất tinh thần của mỗi người mà phân loại. Sự phân loại của Sarkar khác hẳn cả Trung Hoa lẫn Ấn Độ. Để cho dễ đọc, ta sẽ gọi bốn loại người đó là Binh, Sĩ, Thương và Nông.

Nông là những người làm việc chân tay, và họ không được thông minh như những người các nhóm khác. Công nhân không nghề chuyên môn và nông dân thuộc nhóm này. Đôi khi có những người làm việc chân tay những rất thông minh; những người này không được Sarkar xếp vào loại Nông. Ludwig Wittgenstein là một thí dụ. Ông là một triết gia quan trọng nhất thế kỷ 20, nhưng có lúc làm nghề đánh cá; Ông không thể bị xếp vào loại Nông.

Binh nghĩa đen là binh lính. Họ là những người gan dạ, mạo hiểm, liêu lĩnh, đầy nhiệt huyết và hùng tâm; họ thường mong học được những điều lạ, và khi cần họ lấy sức mạnh và tài năng để giải quyết vấn đề. Vì linh mãnh và gan dạ, Binh thường lấy Nông mà sai khiến.

Sĩ là những người trí thức, theo đòi khoa cử, sử dụng trí óc nhiều hơn các loại khác. Vì tinh khôn hơn, Sĩ thường là quân sư, cố vấn cho Binh. Trương Lương xưa làm quân sư cho Lưu Bang. Trương Lương là Sĩ, mà Lưu Bang là Binh. Sĩ kiểm chế Nông qua trung gian của Binh.

Biện Chứng Pháp Osho

Hành động của Binh thường thần thần, giản dị. Sĩ lập lên lý thuyết, chủ nghĩa và giáo điều để lợi dụng dự trữ tính của Binh và nhân đó kiểm soát họ. Tu sĩ, văn sĩ, khoa học gia, bác sĩ, giáo sư, luật sư... thuộc nhóm này.

Thương là loại đầu cơ tích trữ, kinh doanh, buôn bán. Thương kiểm chế các loại khác bằng cách dùng tiền bạc để thuê mướn hay mua chuộc. Tài vật là phương tiện Thương dùng để chiếm đoạt những tiện nghi cũng như danh vọng trong đời sống.

Khi có việc khó khăn, Nông thường làm ngõ hay trì hoãn giải quyết càng lâu càng tốt; Binh ngược lại đối mặt thẳng vấn đề, dùng sức mạnh giải quyết cho tới cùng; Sĩ dùng trí năng để giải quyết, nhưng nếu vượt quá khả năng, họ sẽ nhờ Binh tiếp sức; Thương giải quyết bằng tiền bạc mua chuộc Sĩ, Binh và Nông.

Xã hội xưa nay luân chuyển qua bốn nhóm nói trên: từ Binh qua Sĩ đến Thương. Nông không bao giờ giữ quyền lãnh đạo, nhưng thời của Nông là lúc xã hội trở nên thối nát, nhân phẩm bị chà đạp, người dân làm quần quật cả ngày nhưng không kiếm đủ cơm nuôi gia đình. Hết Nông xã hội bắt đầu một chu kỳ mới ở Binh. Như vậy, không một nhóm nào giữ mãi vai trò lãnh đạo. Xã hội xưa nay tất cả tiết hóa theo một quy luật xã hội của P. R. Sarkar: Bắt đầu từ Binh, từ Binh đến Sĩ, từ Sĩ đến Thương, từ Thương đến Nông và sau đó dẫn đến cánh mạng xã hội và một chu kỳ mới lại bắt đầu.(24)

Tây phương hiện đang trong giai đoạn Nông; tài sản, tiền bạc hiện đang được tập trung trong tay một thiểu số đã tạo nên bất quân bình trong xã hội; những biến cố gần đây như sự tấn công welfare, Affirmative Action, phong trào Malitia và hiện tượng "đàn ông Mỹ trắng nổi giận" (angry white males) có thể báo hiệu một sự xáo trộn lớn sắp xảy ra.

Bốn quy luật xã hội của P. R. Sarkar là một trường hợp đặc biệt của chu kỳ Thành, Trụ, Hoại, Không mà ta sẽ bàn tiếp theo.

THÀNH, TRỤ, HOẠI, KHÔNG

Bốn quy luật xã hội của P. R. Sarkar thật ra không phải hoàn toàn mới mẻ. Quy luật này đã được các nền văn minh cổ nhận ra và được gọi bằng nhiều tên khác nhau. Osho Chu Dịch gọi là Thành, Trụ, Hoại, Không (flux, reflux, ebb, flow). P. R. Sarkar là người đầu tiên đã áp dụng quy luật này để nghiên cứu xã hội một cách có hệ thống.

Thành là lúc một hiện tượng mới chớm nở, một vật mới được sinh ra, một chu kỳ mới mở màn. Thành của Sarkar là Binh.

Trụ là giai đoạn phát triển cùng cực, thời hoàng kim của một nền văn minh, giai đoạn trai trẻ khỏe mạnh nhất của một đời người. Trụ của Sarkar là Sĩ.

Hoại là thời kỳ suy yếu sau giai đoạn phát triển cùng cực, lúc xế chiều của một đời người. Hoại của Sarkar là Thương.

Không là hiện tượng sắp đến phân kết, một nền văn minh sắp suy tàn, một đời người sắp kết thúc. Không của Sarkar là Nông.

Thành, Trụ, Hoại, Không áp dụng vào thời tiết là Xuân, Hạ, Thu, Đông; áp dụng cho ngày là sáng, trưa, chiều, tối; vào động cơ nổ là hút, ép, nổ, xả. Nhịp tim của một người sức khỏe bình thường là bốn trong mỗi lần hô hấp - Đông Y gọi là "nhất túc, tứ chi."

Ấn Độ ngày xưa dựa theo chu kỳ Thành, Trụ, Hoại, Không chia bốn phân con người làm bốn loại: Kama, Artha, Dharma, Mosha.

Triết lý Ấn Độ chia vũ trụ ra làm bốn giai đoạn khác nhau gọi là bốn Yugas: Satya, Tetra, Dwapara và Kali.

Thành và Trụ là giai đoạn phát triển, Hoại và Không là chiều suy vi.

Osho dạy rằng Thành, Trụ, Hoại, Không là một quy luật có ảnh hưởng mọi nơi, mọi thời, trên toàn thể vũ trụ, vạn vật, từ vật chất đến tâm linh,

Cabala là một pháp môn huyền học của Do Thái. Nghiên cứu về Tên của Thượng Đế (Devine Name) trong mọi thể hiện khác nhau là căn bản của Cabala. Jehovah là danh của Thượng Đế, nhưng ta không được phép đọc lên mà chỉ có thể đánh vần. Jehovah hợp bởi bốn mẫu tự Do Thái là Yod, He, Vau và He. Chữ thứ nhất tượng trưng nguyên lý chủ động; chữ thứ hai là thụ động, phản động; chữ thứ ba là quân bình; chữ thứ tư là năng lực tiềm tàng (latent energy). Đệ tử Cabala tin rằng mọi hiện tượng, mọi vật đều hợp bởi bốn nguyên lý này - nghĩa là mọi vật tất cả chỉ là một phần của Thượng Đế.(25)

Bốn nguyên lý ấy được huyền thoại hóa bằng truyện tiên tri Ezekiel thấy trong cơn gió bão từ phía Bắc bốn con vật mặt giống mặt người, bên phải là sư tử, bên trái là trâu và mặt phượng hoàng.(26)

Bốn sinh vật ấy cũng được thánh Gioan chứng kiến trong lúc thiên định tại núi Patmos.(27)

Bốn sinh vật ấy hợp nhất trong tượng Sphinx của Ai Cập.

Bốn nguyên lý hợp thành Danh của Thượng Đế và được gọi là đất, nước, gió, lửa trong Alchemy. Đất, nước, gió, lửa là bốn phần cơ bản của vũ trụ. Alchemy là một khoa thần bí học của tây phương.

Trong bộ bài Tarot bốn nguyên lý đó là wands cups, swords và pentiles.

Trong Huyền Thuật (Magic) bốn nguyên lý đó là elves, water-spirit, sylphs và genomes.

Song song với bốn nguyên lý đó là bốn thủ ấn (Mudra) của Mật Tông: Karma mudra, gyana mudra, samaya mudra và mahamudra. Yoga cũng có bốn loại: Jnana Yoga, Bakhti Yoga, Karma Yoga và Raja Yoga.

Tâm thức con người được các bộ kinh Upanishads chia làm bốn trạng thái là ngủ, mê, thức và thứ tư. Thứ tư là trạng thái tâm thức của những thánh nhân đã đạt đạo.

Sự tiến hóa tâm linh con người cũng được Osho chia làm bốn giai đoạn: vật chất, súc vật - thực vật, người và thánh nhân (28).

Vật chất là trạng thái hoàn toàn vô thức, chưa có sự sống của đất đá. Thực vật và động vật là cây cỏ và súc vật; sự sống đã có nhưng vẫn còn say ngủ, chưa có ý thức về chính nó.

Con người có sự sống và đã có ý thức (consciousness) nhưng chưa có siêu thức (superconscious). Thánh nhân là người đã đạt đạo nhưng vẫn còn ý thức về sự đạt đạo của mình; đó chính là giai đoạn chót phải vượt qua.

Vật chất, súc vật, người và thánh nhân là bốn giai đoạn phải vượt qua - kể cả thánh nhân, phật, bồ tát. Tứ Thập Nhị Chương kinh dạy, "Thà cúng dường một người đã vượt trên tất cả trí thức, thiên kiến, kỷ luật và giác ngộ hơn là cúng dường một trăm tỷ vị phật ba đời quá khứ, hiện tại và tương lai".(29)

Bốn giai đoạn cần phải vượt qua đó chính là ý nghĩa của câu đại thần chú của Bát Nhã Tâm Kinh, "Gate, gate, paragate, parasamgate bodhisvaha" - nghĩa là vượt qua, vượt qua, vượt qua tất cả, vượt qua hết tất cả. (30)

Và khi bốn giai đoạn ấy khi đã vượt qua, ta sẽ chứng nghiệm được rằng những điều các tôn giáo khác nhau dạy chỉ là một. Tựa như Kim Tự Tháp của Ai Cập: phía dưới tuy khác nhau nhưng trên đỉnh chỉ là một. Những điều bên ngoài khác nhau nhưng chỉ là một đã được bộ kinh Suka Rahasy Upanishad trong một phương trình bốn vế, gọi là Maha-vakyas:

1. Prajnanam Brahma - Trí Huệ Bát Nhã là Thượng Đế.

2. Aham Brahmasmi - Ta và Thượng Đế là một.(31)

3. Tat Tvam Asi - Ta và vũ trụ là một (32)

4. Ayam Atman (33) Brahman - Tiểu ngã chính là Đại ngã.(34)

Như vậy, Thành, Trụ, Hoại, Không là một quy luật chi phối mọi hoạt động, mọi thay đổi trên thế gian này. Trong vũ trụ hiện tượng Thành, Trụ, Hoại, Không là một biến đổi vòng tròn: từ Thành qua Trụ, Hoại đến Không là hết một chu kỳ rồi lại bắt đầu lại từ Thành. Một câu hỏi rất hiển nhiên nhưng chưa bao giờ được đặt ra là từ đâu đưa đến sự thay đổi tuần hoàn này? Hai yếu tố đưa đến thay đổi là luật số ba và luật số bảy. Hai luật này đã được bàn chi tiết trong bài Osho Dịch Thuyết Cương Lĩnh.(35)

LUẬT SỐ BA VÀ LUẬT SỐ BẢY.(36)

Triết lý Gunas của Ấn quan niệm rằng vũ trụ được tạo lập do sự tác động hỗ tương của ba lực khác nhau sattva, rajas và tamas. Sattva đưa đến sự sáng tạo, thánh thiện; rajas kích thích hành động; tamas tạo nên lười biếng. Ba lực ấy Babylon và Sumer gọi là cardinal (chính), fixed (cố định) và mutable (thay đổi).

Ba lực ấy thuyết Tam Tài của Dịch Cổ Điển gọi là Thiên, Địa và Nhân. Như vậy, Thiên, Địa và Nhân chỉ là những biểu tượng và không có nghĩa là trời, đất và người. Sự hiểu lầm tai hại này đã đưa đến nhiều hệ thống triết lý đặt con người cao trọng hơn cả trời đất, mặc dù người cũng từ trời đất mà ra. Tựa như ngọn sóng kia trong một cuộc sống phù du tự nghĩ nó cao trọng hơn biển cả, mặc dù nó không thể tách khỏi biển được. Nếu sóng nghĩ nó và biển là hai, nó sẽ bị vướng vào vòng sinh diệt: Thành, Trụ, Hoại, Không; nhưng nếu biết được nó và biển không phải hai, nó đã nhận ra tánh bất sinh, bất diệt của nó mà thoát khỏi vòng sinh tử. Nói theo triết học Vedanta, chỉ có biển mới có thực; nếu sóng có ý nghĩ riêng tư nào đó, mắt nó đã bọ che bởi thân lực của Maya (ảo giác).

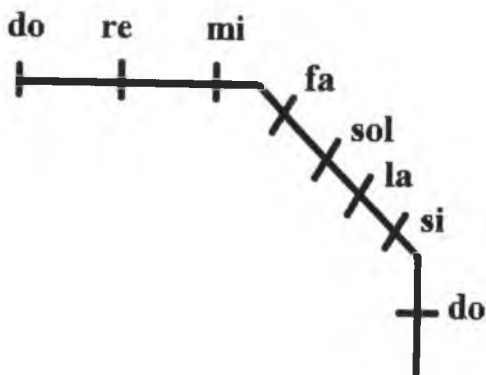
Sự tác động hỗ tương của ba lực ấy tạo lên mọi thay đổi trong vũ trụ, và sự thay đổi ấy khi tăng khi giảm theo bảy tần số khác nhau của luật số bảy, cũng được gọi là luật âm giai. Luật âm giai được áp dụng vào nhạc lý gồm bảy nốt khác nhau: do, re, mi, fa, sol, la, si. Theo luật âm giai mọi hiện tượng trong vũ trụ biến đổi theo bảy giai đoạn; hết bảy đoạn này lại tới bảy đoạn khác; từ do của âm giai này đến do của âm giai khác là bảy; sau đó lại bắt đầu từ do. Dịch nói về luật âm giai trong quẻ Phục, "Bảy ngày trở lại. Đó là vận hành của trời đất." Dịch Cổ Điển giải thích

Biện Chứng Pháp Osho

câu, "Bảy ngày trở lại," là khí âm bắt đầu sinh tại quẻ Cấn (tháng 5), qua Độn (tháng 6), Bĩ (tháng 7) Quan (tháng 8), Bác (tháng 9), Khôn (tháng 10), đến Phục (tháng 11) là bảy. Mỗi có sáu mà đã gọi là bảy! Quẻ Cỏ nếu đếm như vậy sẽ là bốn mà họ chỉ nói ba. Hơn nữa, họ chỉ nói khí dương trở lại mà không nói khí âm trở lại. Ngụy biện!

Cũng theo luật âm giai, từ do của âm giai này để do của âm giai khác tần số thay đổi bị chậm lại tại hai điểm: một giữa mi-fa và một giữa si-do. Vì lý do đó trong nhạc lý chỉ có nửa nhịp giữa mi-fa và si-do.

Sự chậm lại ấy Dịch gọi là đồ võ. Quẻ Cỏ nói, "Giáp ba ngày trước. Giáp ba ngày sau." Đồ võ tại mi-fa; ba ngày trước đã đồ võ tại si-do (do-re-mi); coi chừng ba ngày sau nữa tại si-do (fa-sol-la). Dịch Cổ Điền giải thích "giáp ba ngày trước" là trước Giáp ba ngày là Tân, và "giáp ba ngày sau" là sau Giáp ba ngày là Đinh; Tân là đổi mới và Đinh là đình ninh. Không biết họ căn cứ vào đâu mà nói những ngày Giáp, Tân và Đinh là đồ võ? Hơn nữa, cứ như phép đếm của họ ở hai quẻ Phục và Lâm, từ Tân qua Nhâm, Quý đến Giáp phải là bốn, không phải ba; từ Giáp qua Ất, Bính đến Đinh cũng phải là bốn. Thêm vào đó, vì họ gắn liền mỗi ngày với một Can là cứ mười ngày lại trở lại - từ ngày Giáp này đến ngày Giáp sau là mười. Điều này trái với "vạn hành bảy ngày trở lại" của quẻ Phục. Đây là bằng chứng rõ ràng người Tàu không hiểu nổi Dịch. Họ không hề biết đến luật âm giai. Vì lý do đó, thay vì nhạc bảy nốt như tây phương và Ấn, người Tàu có nhạc Ngũ Cung (năm nốt).



Vì có sự gãy khúc trên đường phát triển nên mới có sự tuần hoàn của mọi hiện tượng. Sự thay đổi theo luật âm giai xảy ra quá mau ta không thể nhận ra được, nhưng khi hết một chu kỳ biến đổi, ta có thể phân biệt được bốn giai đoạn chính là Thành, Trụ, Hoại, Không. Tuy vậy, trong

thực tế một hiện tượng không thể trực tiếp nhảy vọt từ giai đoạn này đến giai đoạn kia mà phải có sự chuyển tiếp. Từ sơ sinh (Thành) đến trưởng thành (Trụ) phải có một chuyển tiếp là dậy thì. Giữa trưa và sáng cũng có một chuyển tiếp. Giữa Thành và Trụ có một chuyển tiếp; giữa Trụ và Hoại là một chuyển tiếp; giữa Hoại và Không một chuyển tiếp.

Osho Chu Dịch, một cách tổng quát, cho mỗi giai đoạn chuyển tiếp một âm giai, gồm bảy nốt; mỗi phần chuyển tiếp cũng dài một âm giai. Như vậy, mỗi chu kỳ biến đổi tổng cộng có tám giai đoạn, tổng cộng 56 nốt. Tám giai đoạn biến đổi này chính tám giai đoạn của Biện Chứng Pháp Osho.

BIỆN CHỨNG PHÁP OSO

Biện Chứng Pháp Osho và Hậu Thiên Bát Quái chỉ là một. Bát quái có hai loại là Tiên Thiên Bát Quái và Hậu Thiên Bát Quái.

Bát quái của Tiên Thiên có thứ tự như sau: 1-Càn; 2-Đoài; 3-Ly; 4-Chấn; 5-Tốn; 6-Khảm; 7-Cấn; 8-Khôn.

Bát quái của Hậu Thiên có thứ tự như sau: 1-Chấn; 2-Tốn; 3-Ly; 4-Khôn; 5-Đoài; 6-Càn; 7-Khảm; 8-Son.

Bát quái theo Dịch Cổ Điền chỉ có một ý nghĩa. Những chữ Tiên Thiên và Hậu Thiên đã làm nhiều học giả hiểu lầm. Có người nói Tiên Thiên Bát Quái là bát quái trước khi có trời đất, và Hậu Thiên Bát Quái là bát quái sau khi có trời đất!(37)

Thay vì Tiên Thiên và Hậu Thiên, Osho Chu Dịch sẽ gọi là Tuyệt Đối và Tương Đối. Ý nghĩa của bát quái theo đó cũng khác nhau. Gọi là Tuyệt Đối vì bát quái của Tiên Thiên không phụ thuộc thời gian và là biểu tượng của tám lực sơ nguyên nhận ra được trong thiên nhiên và đã được bàn chi tiết; (38) gọi là Tương Đối bát quái của Hậu Thiên là biểu tượng của những giai đoạn biến đổi khác nhau trong cùng một chu kỳ.

Để thấy rõ sự liên hệ giữa Bát Quái Tương Đối và chu kỳ biến đổi Thành, Trụ, Hoại, Không, ta cần phải xét trước hết bốn giai đoạn chính; bốn giai đoạn chuyển tiếp sẽ trở lên rõ ràng.

Chấn là sấm sét. Một đám mây mang điện âm gặp đám khác mang điện dương sẽ tạo ra sấm. Trước đó năng lượng tạo nên sấm đã có sẵn trong trạng thái ẩn tàng. Tương tự vậy, sau một thời gian thai nghén và khi gặp điều kiện thuận lợi, vạn vật sẽ được khai sinh, một phong trào được bắt đầu. Chấn là biểu tượng của sự bắt đầu (Thành). Thuyết Quái truyện nói, "Vạn vật xuất hồ Chấn" - nghĩa là mọi vật sinh tại Chấn chính là ý đó.

Ly là lửa, tượng trưng năng lực phát triển mạnh mẽ (Trụ), tượng trưng sức mạnh để tiêu diệt các thế lực đối nghịch mà đạt địa vị ưu thắng. Lửa lan rộng khắp nơi là biểu tượng của sự phát triển cùng cực về mọi mặt. Người Mỹ có câu, "Phát như lửa dại" - spread like wild fires - để chỉ những hiện tượng phát triển mau lẹ và rất mạnh bạo. Mọi vật khi đã được sinh ra (Thành) sẽ có dịp vươn đến kỳ sung mãn nhất, tươi đẹp nhất (Trụ).

Đoài là ao, hồ, tượng trưng sự thay đổi. Vì lý do bên trong hay bên ngoài, khách quan hay chủ quan, những điều kiện dẫn đến sự ưu thắng không còn thích hợp nữa, nay đã trở lên lỗi thời và bắt đầu giai đoạn thoái hoá (Hoại). Sau một thời gian tranh đấu để đoạt địa vị mong muốn trong xã hội (Trụ), và sau khi nếm những kinh nghiệm thất bại (Khôn), con người đã biết được giới hạn của mình, hoặc vì tài trí hay sức khoẻ. Sự chấp nhận đó giúp người ta thực tế hơn, khiêm nhường hơn, vui vẻ và dễ tha thứ hơn. Vì vậy, Đoài cũng có nghĩa là vui vẻ.

Khảm là nước. Theo luật tự nhiên nước đi xuống - ngược lại với lửa bay lên - tượng trưng sự cản trở, nguy hiểm, suy vi. Lửa bay lên tượng trưng thời kỳ sung mãn nhất (Trụ); nước đi xuống là biểu tượng của sự suy tàn, sắp chấm dứt (Không).

Tóm lại, bốn giai đoạn chính của chu kỳ Thành, Trụ, Hoại, Không ứng với Chấn, Ly, Đoài và Khảm.

Tồn là gió, tượng trưng sự phát triển một chiều, chưa vừa ý. Giữa Thành (Chấn) và Trụ (Ly) là một chuyển tiếp. Trụ là sự phát triển ở mọi mặt, được biểu tượng hóa bằng lửa (Ly). Trong giai đoạn chuyển tiếp sự phát triển tuy đã có nhưng không được như ý vì còn những thế lực đối kháng chưa thể hoàn toàn khắc phục được, hoặc chưa được xã hội hoàn toàn chấp nhận. Gió là biểu tượng của sự phát triển chưa được như ý ấy vì gió tuy có thể lan mạnh, nhanh hơn lửa nhiều lần, nhưng gió chỉ có thể tiến về một hướng nào đó trong một lúc.

Khôn là đất, tượng trưng sự nhu thuận, phục tùng. Giữa Trụ (Ly) và Hoại (Đoài) là một chuyển tiếp. Quy luật tiến hóa xã hội của Arnold Toynbee cho rằng khi một hiện tượng hay một nền văn minh gặp sự thách đố bên trong hay bên ngoài, nếu nội lực của nó không đủ mạnh để đáp ứng lại được, nó sẽ bị tiêu diệt; nhưng nếu đủ mạnh đáp ứng lại được, nó sẽ tiếp tục phát triển và trở lên mạnh hơn.(39) Nếu sự thách đố ấy không được đáp ứng một cách thoả mãn, sự suy yếu sẽ hiện ra. Sự suy yếu ấy được biểu tượng bởi đất vì đất tượng trưng sự phục tùng, nhu thuận, trái với Càn là trời biểu tượng của sự

sáng tạo. Một thí dụ là Âu Tây trong thế kỷ 19 nhờ vào khoa học và kỹ thuật có thể đè bẹp Đông Phương cách dễ dàng, nhưng vì đạo học mạnh hơn Đông Phương đã chinh phục được giới trí thức Âu Tây. Ngược lại, Âu Tây trong lúc phong trào thực dân đang ở cao độ, trí thức của họ đã bàn về sự sụp đổ của nền văn minh cơ khí; tác phẩm nổi tiếng *The Decline of The West* (40) (Sự suy tàn của Tây Phương) là một thí dụ. Trí thức Tây Phương ít nhiều không thể không biết đến Ấn Độ giáo, Phật Giáo, Lão Giáo và Dịch. Ngược lại, trí thức Đông Phương phải có ít nhiều căn bản khoa học và triết học. Đạo học Đông Phương giúp trí thức Tây Phương lấp đầy khoảng trống tâm linh mà tôn giáo của họ không thoả mãn được; Fritof Capra, tác giả cuốn sách nổi tiếng *The Tao of Physics*,(41) đề nghị dùng đạo học Đông Phương làm nền tảng cho các khoa học Tây Phương. Ngược lại, khoa học và kỹ thuật giúp Đông Phương tiến bộ hơn và trút bỏ được nhiều mê tín dị đoan trong quần chúng. Vì vậy không phải tình cờ mà các trường đại học Âu Tây đây những sinh viên phương đông theo học các ngành khoa học và kỹ thuật; trong khi đó các thiên viện phương đông phần lớn là giới trí thức trẻ Âu Tây. Đông và tây đang xích lại gần nhau. Sự tiếp xúc giữa đông và tây bắt buộc đôi bên phải đưa ra những giải thích mới phù hợp những đòi hỏi thời đại. Sự sáng tạo ấy chỉ xuất hiện khi xã hội suy đồi, bế tắc. Con người cũng vậy. Chỉ sau khi nếm mùi thất bại người ta mới trở lên khiêm nhường hơn và bắt đầu tự tìm hiểu về ý nghĩa cuộc sống.

Càn là trời, tượng trưng sự sáng tạo. Giữa Hoại (Đoài) và Không (Khảm) là một chuyển tiếp, Hoại là lúc xã hội đã suy đồi. Sự suy đồi ấy kích thích những tâm hồn sáng tạo tìm ra những phương pháp dẫn đưa con người ra khỏi những bế tắc, bất công đang gặp phải. Sự sáng tạo ấy Dịch gọi là Càn. Thời Đông Châu bên Tàu xã hội loạn lạc, chur hầu khắp nơi nổi lên tranh hùng tranh bá tạo lên một cảnh loạn lạc nhất trong lịch sử Trung Hoa. Để tìm một giải đáp cho những bế tắc ấy, những trường phái Nho gia, Mặc gia, Lão gia và Pháp gia công kích lẫn nhau tạo lên cảnh trăm hoa đua nở có một không hai trong lịch sử văn minh ấy. Sự xuất hiện của Phật Giáo, Ki Tô Giáo, kể cả chủ thuyết Cộng Sản cũng có thể được giải thích theo ánh sáng đó. Sự sáng tạo tâm linh cũng có thể thấy trong cuộc sống con người. Lúc còn khỏe mạnh mấy người nghĩ đến vấn đề tâm linh. Một người trẻ có thể đi nhà thờ, đi chùa nhưng việc làm của họ phần lớn chỉ là thói quen đã được gia đình uốn nắn từ nhỏ; khi tuổi đã về

Biện Chứng Pháp Osho

chiều phần lớn trở lên sốt sáng hơn: họ đã bắt đầu sử soạn cho một chu kỳ mới.

Sơn là núi, tượng trưng sự an nghỉ, trạng thái ẩn tàng (unmanifest) của vạn vật, của mọi hiện tượng. Giữa Không (Khảm) và Thành (Chấn) là một chuyển tiếp. Khi một nền văn minh gặp sự thách đố bên trong hay bên ngoài mà nội lực của nó không đủ mạnh chống lại thách đố đó, nó sẽ bị tiêu diệt. Nếu sức mạnh sáng tạo của Càn đủ mạnh, văn minh ấy sẽ xuất hiện lại trong hình thức mới. Tuy nhiên, mọi sáng tạo bao giờ cũng đi trước thời gian; một hệ thống tư tưởng đôi khi mất cả trăm năm mới được đời sau hiểu rõ và trọng dụng. Nietzsche nói mãi khoảng năm 2000 Ông mới được hiểu rành rẽ. Giáo lý của Chúa Jesus phải đợi bốn thế kỷ sau mới được đế quốc La Mã trọng dụng. Khổng Giáo phải chờ Lưu Bang lập lên nhà Hán mới chiếm được địa vị độc tôn. Phật Giáo phải đợi đại đế Ashoka mới lan rộng khắp nơi. Vì vậy, mọi sáng tạo phải chờ chu kỳ cũ hoàn toàn chấm dứt, và sau một thời gian thai nghén nó sẽ giúp mở màn một chu kỳ mới khi những điều kiện khách quan và chủ quan đã hội đủ. Sơn là điểm đầu mà cũng là điểm cuối của mọi hiện tượng. Từ Sơn đến Sơn là hết một chu kỳ.

Bát Quái Tương Đối có thể được dùng để quan sát thiên nhiên:

Sơn - sau mùa Đông lạnh giá vạn vật chờ đợi hồi sinh khi Xuân đến.

Chấn - Xuân đến; mầm non chờ sẵn tại Sơn mọc lên; hoa lá bắt đầu mọc ra.

Tốn - hoa đã có nhưng phải đợi mai mối của ong, bướm.

Ly - Hè lại về; năng lượng trời đất nhận được nhiều nhất; cây đã có trái.

Khôn - trái đã lớn và sửa soạn chín.

Đoài - Thu về; trái đã chín và sắp sửa rụng.

Càn - trái đã rụng, hạt rơi xuống đất tạo cơ hội để mầm non mới nảy nở.

Khảm - Đông lại đến; hạt rơi xuống đất phải được chôn đi trước khi mầm non hiện ra.

Sơn - hạt giống đã chết và mầm non đã hiện ra nhưng phải chờ Xuân đến mới mọc được.

Bát Quái Tương Đối là một phát triển biện chứng của mọi hiện tượng và, so với Biện Chứng Pháp của Hegel, có thể được dùng để giải thích mọi thay đổi một cách rất khoa học. Hegel nói về ba giai đoạn biện chứng là đề,

phản đề và hợp đề, nhưng không thể giải thích rõ như vậy về sự tiếp xúc giữa đề và phản đề để có hợp đề. Bát Quái Tương Đối chính là biện chứng pháp thiên nhiên, cũng được gọi là Biện Chứng Pháp Osho.

Biện Chứng Pháp Osho như vậy là một khai triển mở rộng của chu kỳ Thành, Trụ, Hoại, Không, và nó có thể giúp ta nhận ra những vận động lịch sử một cách chi tiết hơn bốn quy luật xã hội của P. R. Sarkar. Thánh nhân xưa nay dựa vào phương pháp này mà định được lẽ hưng thịnh, mất còn của một quốc gia, một nền văn minh.

Biện Chứng Pháp Osho, như đã bàn bên trên, có thể dùng để nghiên cứu mọi hiện tượng một cách khoa học; tuy nhiên, phương pháp đó vẫn còn quá đơn giản, cần phải khai triển thêm một lần nữa để giải quyết một số vấn đề của Dịch. Vòng Biến Đổi Osho chính là sự mở rộng của Biện Chứng Pháp Osho.

VÒNG BIẾN ĐỔI OSHO

Biện Chứng Pháp Osho là một chu kỳ biến đổi gồm tám giai đoạn; tám giai đoạn đó gồm có bốn giai đoạn chính và bốn giai đoạn chuyển tiếp, mỗi giai đoạn dài một âm giai.

Bốn giai đoạn chuyển tiếp ấy thật ra không thể đứng độc lập một mình mà phải tùy thuộc bốn giai đoạn chính. Như vậy, mỗi chuyển tiếp được chia làm hai, một nửa thuộc giai đoạn chính trước, và một nửa thuộc giai đoạn sau. Kết quả là mỗi chu kỳ biến đổi gồm 12 giai đoạn: 4 chính và 8 chuyển tiếp. Một cách rõ hơn ta sẽ mượn 12 con giáp của cả Tàu lẫn Tây để chỉ 12 giai đoạn đó. Thành, Trụ, Hoại, Không là 4 giai đoạn chính.

Thành ứng với Mão hay Song Nam (Gemini) dài một âm giai.

Trụ ứng với Ngọ hay Xử Nữ (Virgo) dài một âm giai.

Hoại ứng với Dậu hay Nhân Mã (Sagittarius) một âm giai.

Không ứng với Tý hay Song Ngư (Pisces) một âm giai.

Giữa Thành và Trụ là một chuyển tiếp được chia hai; phần đầu, thuộc Thành, là Thìn hay Bắc Giải (Cancer) dài nửa âm giai, từ do đến mi; phần sau, thuộc Trụ, là Tị hay Hải Sư (Leo), từ fa đến si.

Giữa Trụ và Hoại là một chuyển tiếp được chia hai; phần đầu, thuộc Trụ, là Mùi hay Thiên Xứng (Libra) từ do đến mi; phần sau, thuộc Hoại, là Thân hay Bảo Bình (Aquarius), từ fa đến si.

Giữa Hoại và Không là một chuyển tiếp được chia hai; phần đầu, thuộc Hoại, là Tuất hay Nam Dương

(Capricorn) từ do đến mi; phần sau, thuộc Không, là Hợi hay Hồ Cáp (Scorpio), từ fa đến si.

Giữa Không và Thành là một chuyển tiếp được chia hai; phần đầu, thuộc Không, là Sửu hay Dương Cưu (Aries) từ do đến mi; phần sau, thuộc Thành, là Dần hay Kim Ngưu (Taurus), từ fa đến si.

Tóm lại, mỗi chu kỳ có 8 âm giai được chia làm bốn nhóm như sau:

1. Thành là giai đoạn mở đầu gồm ba cung Dần, Mão, Thìn (Taurus, Gemini, Cancer).

2. Trụ là giai đoạn trưởng thành gồm Tị, Ngọ, Mùi (Leo, Virgo, Libra).

3. Hoại là giai đoạn suy yếu gồm Thân, Dậu, Tuất (Scorpio, Sagitarius, Capricorn)

4. Không là giai đoạn cuối cùng, sắp chấm dứt gồm Hợi, Tý, Sửu (Aquarius, Pisces, Taurus).

Chu kỳ Thành, Trụ, Hoại, Không tổng cộng 8 âm giai, hay 56 nốt. 56 nốt này cũng là 56 con bài Tarot của phụ (Minor Arcana) mà ta sẽ có dịp bàn nơi khác.

Một chu kỳ biến đổi gồm 12 giai đoạn với 56 nốt được gọi là Vòng Biến Đổi Osho.

Theo luật biến đổi Osho mọi biến đổi xảy ra không phải tại 12 cung nói trên, mà tại giữa hai cung, ứng với những vị trí mi-fa và si-do của luật âm giai.

Dĩ nhiên, sẽ có một số học giả không đồng ý với lối phân chia 12 con giáp theo kiểu này. Osho Chu Dịch vì không có tên nên phải mượn của Tàu và Tây nhưng không nhất thiết phải xếp theo họ. Nên biết rằng tên 12 con giáp của Tàu cũng không được mọi người đồng ý. Lama Govinda, tác giả cuốn *The Inner Structure of The I Ching*, (42) cho rằng đặt Dậu tại vị trí đó là sai; Dậu là con gà gáy sáng, biểu tượng của thiên quán, mà đặt vào lúc xế chiều lúc vạn vật sắp ngủ không hợp lý lắm. Thêm vào đó là Tý (chuột), một biểu tượng của lý trí vì chỉ biết cắn xé, phân chia, đặt vào lúc nửa đêm cũng không ổn. Chuột trong thần thoại của Ấn Độ là phương tiện (vehicle) của thần Brahma dùng đánh tan mê muội (ignorance).

Như vậy, Osho Chu Dịch giải thích được tại sao cả Tàu lẫn Tây đều có 12 con giáp không hơn không kém. Tôi không biết từ đâu người Tàu có 12 con giáp. Tây có 12 con giáp vì ba lực Cardinal, Fixed và Mutable tiếp xúc với bốn yếu tố đất, nước, gió, lửa tạo thành 12 cung (3x4=12). Hai hệ thống Tàu và Tây này có nhiều điểm tương đồng, và rất có thể hai hệ thống này trong quá khứ

chỉ là một nhưng đã thay đổi theo thời gian và tâm lý địa phương. Rất có thể như vậy vì huyền sử Tàu và huyền sử của các nền văn minh cổ như Sumer và Babylon có rất nhiều trùng hợp. (43) Cũng có khá nhiều lý do để quả quyết là Tàu không phải là xuất xứ của Kinh Dịch. Vấn đề này ta sẽ trở lại trong bài Vấn Đề Nguồn Gốc Của Kinh Dịch trong số báo kế tiếp.

Một chu kỳ biến đổi theo Osho Chu Dịch gồm 4 giai đoạn chính là Thành, Trụ, Hoại, Không; nếu được chia thêm nữa sẽ có 12 giai đoạn khác nhau, gồm 4 chính và 8 chuyển tiếp. Nhưng chu kỳ này bắt đầu từ đâu? Ngày xưa năm mới bắt đầu Taurus, (44) cũng như Tàu bắt đầu năm mới tại Dần. Sau này La Mã bắt đầu tại Aries. Tại sao có sự thay đổi đó? La Mã xưa đồng hóa mùa Đông với sự chết; sau Đông là Xuân; vì vậy La Mã bắt đầu mùa Xuân vào ngày Xuân Phân 21 tháng 3. tháng ba là tháng của thần Mars, một vị thần chiến tranh. Vì sự sống đã thắng sự chết, thời gian ấy có lẽ Phục Sinh (sống lại) của Kitô Giáo.

Người Tàu bắt đầu chu kỳ mới tại Tý (quẻ Phục) nhưng bắt đầu năm mới tại Dần. Sao vậy? Thuyết Tam Tài của người Tàu có Thiên (trời), Địa (đất) và Nhân (người). Thuyết ấy cũng cho rằng trời sinh tại Tý (Thiên sinh ư Tý); đất sinh tại Sửu (Địa sinh ư Sửu); Người sinh tại Dần (Nhân sinh ư Dần); vì người quan trọng hơn hết, chu kỳ thực sự bắt đầu tại Dần. (45)

Trời sinh tại Tý? Đất sinh tại Sửu? Như vậy là trước khi có trời đất đã có 12 con giáp rồi! Không biết những con giáp này sinh ở đâu? Trời sinh tại Tý mà gọi 12 con giáp này là địa chi?

Osho Chu Dịch cho rằng mọi sự, mọi hiện tượng bắt đầu từ Sửu rồi lại trở về Sửu. Trâu (Sửu) là biểu tượng của đất, của hư không, của cát bụi. Thừa ban đầu không có gì hết. Sau khi được sinh ra lớn lên rồi chết. Ta thường nói cát bụi trở về cát bụi, hư không hoàn hư không là vậy. Tuy nhiên, hư không không hẳn không có gì hết. Hư không là trạng thái tiềm ẩn của sự vật. Khoa học nói chân không (empty space) chứa những cặp vật chất (matter) và phản vật chất (anti-matter) triệt tiêu lẫn nhau; khi điều kiện thuận lợi đến, từ chân không hiện ra những giải ngân hà. Sửu là điểm đầu cũng là điểm cuối; Alpha cũng là Omega.

Sửu và Dần là hai phần chuyển tiếp giữa Không và Thành. Sửu tượng trưng sự chết, hư không. Từ cái không (vô) dẫn đến cái có (hữu) phải nhờ đến một sức mạnh khủng khiếp tượng trưng bằng Dần (cạp). Tuy

Biện Chứng Pháp Osho

nhiên, Dần chưa phải lúc đầu; tựa như bào thai còn nằm trong bụng mẹ, mặc dù sự sống đã có, nhưng sự sống ấy vẫn còn tùy thuộc người mẹ.

Mão là phương chính Đông. Phải gọi là Thỏ như người Tàu có lẽ thích hợp hơn. Mỹ có câu, " đẻ như thỏ" (breed like rabbits). Trong các loài động vật thỏ sinh nhiều nhất vì là miếng ăn của mọi con vật khác. Gọi là Thỏ cũng thích hợp hơn vì từ Dần đến Thân đều là dã thú, và từ Dậu đến Sửu đều là gia súc. Điều này có ý nghĩa đặc biệt, nhưng chưa ai bàn tới. Mão chính là lúc thực sự khởi đầu sau một thời gian thai nghén tại Dần.

Như vậy từ Sửu đến Sửu là hết một chu kỳ biến đổi gồm 12 giai đoạn. Mười hai giai đoạn ấy là 12 tháng trong năm. Người Tàu căn cứ theo sự vận hành của mặt trăng chia một năm ra 12 tháng. Người Babylon, Sumer, Ai Cập, Ấn Độ căn cứ theo sự vận hành của trái đất qua 12 chòm sao trên đường Hoàng Đạo (Zodiac Belt). Mười hai tháng trong một năm gọi là chu kỳ nhỏ.

Người Tàu có một chu kỳ 60 năm gọi là Lục Tuần Hoa Giáp, dựa theo Thập Thiên Can và Thập Nhị Địa Chi. Phải chăng mặt trời hay mặt đất xoay quanh một thiên thể nào đó cứ mỗi vòng 60 năm? Không thấy khoa học nói tới điểm này.

KIỂM CHỨNG LÝ THUYẾT

Đến đây ta đã chứng minh được hai luật số ba và luật số bảy có hiện diện trong Dịch nhưng từ mấy ngàn năm qua người Tàu không nhận ra. Với hai luật đó ta cũng giải thích được cơ cấu của Tiên Thiên Bát Quái và Hậu Thiên Bát Quái mà không dùng đến Hà Đồ và Lạc Thư. Biện Chứng Pháp Osho và Vòng Biến Đổi Osho cũng được suy ra từ đó. Dưới đây ta sẽ dùng Vòng Biến Đổi Osho để giải thích quẻ Lâm mà Dịch Cổ Điển đã thất bại như đã bàn bên trên.

Quẻ Lâm nói, "Sắp lớn. Tám tháng nữa sẽ có tai họa." Trước hết, sắp lớn là gì? Lớn, như đã giải thích bên trên là Trụ. Tính theo mười hai con giáp thì lớn là Ngọ. Sắp lớn là giai đoạn chuyển tiếp từ Thành sang Trụ và sắp đến Trụ. Lớn là Ngọ nên sắp lớn là Tị. Từ Tị thêm tám giai đoạn nữa là Sửu - hư không, cát bụi, chấm dứt, chết. Một chu kỳ như vậy đã hoàn tất. Không là giai đoạn chót của chu kỳ Thành, Trụ, Hoại, Không, nhưng chỉ thực sự chấm dứt khi chuyển từ Tỵ sang Sửu. Tại sao Dịch nói, "Sắp lớn. Tám tháng nữa sẽ có tai họa?" Thành, Trụ, Hoại, Không là quy luật bất di bất dịch của trời đất; có sinh tất có diệt, nhưng nếu hiểu được quy luật ấy mà hàm

dưỡng nguyên khí, quăng lưới lớn mà chiêu tập nhân tài bốn phương, nuôi dưỡng mầm non cho đời sau, để sự thịnh vượng không những có thể kéo dài, mà lúc suy vì có thể sửa soạn để tái lập một chu kỳ mới tươi đẹp hơn. Điều này ta đã bàn đến trong phần Biện Chứng Pháp Osho.

Luật số ba và luật số bảy cùng với Biện Chứng Pháp Osho và Vòng Biến Đổi Osho có nhiều áp dụng khác như bài Tarot và Cửu Trù (46)(Ennegram) và triết lý thời gian. Bài Tarot và Cửu Trù sẽ được bàn đến trong những dịp khác. Khác với khoa học, thời gian đối với Dịch không phải là một đoạn thẳng nối liền hai thời điểm, mà là một thay đổi vòng tròn dọc theo vòng Vòng Biến Đổi Osho. Triết lý thời gian cũng được dùng để phân biệt giữa Dịch Cổ Điển và Osho Chu Dịch.

THỜI GIAN

Thái Tử Sidhartha (Tất đạt Đa) ngay sau khi được hạ sinh liền bước về tám hướng, mỗi hướng bảy bước, một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất mà nói, "Ta sinh ra đời để giúp cho sự Giác Ngộ cho toàn thể thế giới. Đây là lần cuối cùng ta trở lại thế gian này." (47)

Những người không tin sẽ cả cười vì truyện hoang đường này. Ngược lại những người tin phần đông không hiểu ý nghĩa.

Tám hướng chính là tám âm giai trên Vòng Biến Đổi Osho, mà cũng là tám giai đoạn của Biện Chứng Pháp Osho. Mỗi hướng bảy bước chính là bảy nốt của luật âm giai. Tám hướng, mỗi hướng bảy bước cộng lại là 56 bước. 56 bước này chính là 56 giai đoạn khác nhau trên Vòng Biến Đổi Osho. Việc bước đi 56 bước này Phật đã ám chỉ Ngài đã hiểu rõ bí mật của vòng luân quần Thành, Trụ, Hoại, Không và đã có cách đập bể cái vòng luân quần đó mà đạt giải thoát trọn vẹn. Cái vòng luân quần ấy được gọi là bánh xe Luân Hồi có tám cây cãm, trùng với tám giai đoạn của Biện Chứng Pháp Osho. Gọi là vòng Luân Hồi vì sinh ra (Thành), chết đi (Không), rồi lại sinh ra và chết đi cứ luân quần mãi.

Nói đến Thành, Trụ, Hoại, Không là nói đến thời gian. Ngược lại ở đâu thời gian là có Thành, Trụ, Hoại, Không. Nói đến thời gian là có sinh, có tử. Ngược lại nói đến sinh tử là nói đến thời gian. Vì vậy chữ Phạn của Ấn Độ, thời gian và sự chết đồng nghĩa. Kal là thời gian mà kal cũng là sự chết. Osho nói, "Sống trong thời gian là sống trong sự chết, và khi thời gian biến mất, sự chết cũng mất theo. Vì vậy, khi đạt được sự thảnh lạng tuyệt đối trong tâm hồn, khi tâm trí (mind) ta không bị giao

động bởi bất cứ một ý tưởng nào, thời gian sẽ ngừng lại và ta sẽ lọt vào thế giới của tuyệt đối, của vĩnh cửu." (48) Đó chính là kinh nghiệm tâm linh của huyền học, của thi sĩ. Những câu thơ nổi tiếng của William Blake:

To see a world in a grain of sand,
And Heaven in a wild flower.
Hold infinity in the palm of your hand,
And eternity in an hour.

Tạm dịch:

Thấy cả vũ trụ trong hạt cát,
Và thiên đường trong một hoa dại.
Nắm trọn vô cực trong bàn tay,
Và cả vĩnh cửu trong một giờ.

Thời gian là gì? Dĩ nhiên ta biết sự thực dụng của quả lắc đồng hồ. Nhưng, Như Kant đã nói, thời gian và không gian chỉ là những dạng thức của tri giác (sense perception) và phát khởi từ cơ cấu tâm linh. Thời gian là gì đối với khoa học và huyền học?

Thánh John nói, "Và thế rằng... sẽ không còn thời gian nữa." (49) Đây là câu quan trọng nhất Thánh Kinh.

Thời gian thường được chia làm ba đoạn: quá khứ, hiện tại và tương lai. Quá khứ được coi là đã qua, không còn nữa. Tương lai chưa đến; Quá khứ và tương lai như vậy không có thực. Hiện tại là phần nối giữa quá khứ và tương lai - nghĩa là một chuyển tiếp từ cái không này (tương lai) sang cái không khác (quá khứ). Như vậy, ta có thể kết luận là hiện tại cũng không có thật! Tựa như giòng sông có hai bờ; nếu hai bờ sông hiện hữu, giòng sông ấy không thể có thật. Mà nếu phủ nhận hiện tại, ta phải phủ nhận luôn vũ trụ này. Và kết quả là ta phải phủ nhận chính ta là người đã đặt câu hỏi về thời gian. Kết luận đó chứng tỏ quan niệm về thời gian như trên không thể chấp nhận được.

Quá khứ, hiện tại và tương lai, cái nào có thật?

Hiện tại.

Nhưng hiện tại không thể nắm bắt được vì hiện tại không thuộc thời gian. Osho nói, "Thời gian thường được chia ra quá khứ, hiện tại và tương lai. Đó là một quan niệm sai lầm. Sai đối với những người đã đạt đạo. Quá khứ và tương lai thuộc thời gian, nhưng hiện tại không thuộc thời gian: hiện tại là một phần của vĩnh cửu (eternity). Quá khứ và tương lai thuộc về thế giới hiện tượng, tương đối, thay đổi. Hiện tại chính là sự thâm nhập của thế giới siêu việt vào thời gian."

Thời gian đối với khoa học chỉ là một biến số tưởng tượng và không thể tách rời không gian. Nhà toán học Herman Minkowski nói trong bài thuyết trình nổi tiếng năm 1908, "Từ nay trở đi, không gian đứng một mình, thời gian đứng một mình sẽ mờ nhạt đi những bóng đêm, và chỉ có sự nối liền cả hai mới đưa đến một thực tại độc lập." (50) Thời gian và không gian làm thành một khối liên tục và không thể tách rời (space-time continuum).

Có không gian là có thời gian. Có thời gian là có không gian. Có thời gian là có Thành, Trụ, Hoại, Không. Có thời gian là có sự chết. Vì vậy, đối với triết học cũng như khoa học, Nước Trời, Niết Bàn, Tịnh Độ hay Tây Phương Cực Lạc vượt trên không gian và thời gian, không có trong vũ trụ này. Phải tìm Niết Bàn hay Nước Trời ở đâu.

Chúa Jesus nói, "Nước Trời ở trong lòng chúng ta." (Luke 17.21)

Nước Trời cũng có tên là Niết Bàn. Chúng nghiệm được Nước Trời trong lòng mình gọi là Giác Ngộ. Tên gọi khác nhau nhưng ý nghĩa là một. Vì Nước Trời hay Niết Bàn phải tự tìm trong lòng mình, không phải chết đi ta mới tới được và không phải đâu xa, mà ngay tại đây (here) và ngay lúc này (now). Mọi chủ trương tìm Niết Bàn hay Nước Trời bên ngoài con người, hoặc một thời gian, không gian nào khác đều đi ngược lại giáo lý của Chúa, của Phật. Thật vậy, thánh nhân xưa nay đặt chân đến thế gian giúp cho sự tiến hóa tâm linh của nhân loại tất cả đều bị phản bội, giáo lý bị xuyên tạc.

Khi đã chứng nghiệm được Nước Trời, Niết Bàn trong lòng mình, ta sẽ nhận ra Nước Trời ấy và Nước Trời trong lòng người khác cũng như trong muôn vật chỉ là một. Tựa như nước từ mọi đại dương chỉ có chung một vị mặn. Hãy lấy một thí dụ khác. Ta không bao giờ thực sự thấy biển mà chỉ thấy những ngọn sóng nhấp nhô, lớp này nối tiếp lớp kia; trên bề mặt những ngọn sóng đó tách biệt hẳn nhau nhưng thật sự chỉ là một biển cả; những ngọn sóng đó chỉ là những thể hiện khác nhau của cùng một đại dương. Trong nhất thể ấy (oneness) không gian không còn phân cách, và thời gian mất đi ý nghĩa.

Vì Nước Trời hay Niết Bàn ở chính trong lòng ta, Chúa hay Phật chỉ có thể chỉ cho ta một con đường thích hợp, nhưng chính ta phải đi trên con đường đó, tự ta phải tự độ lấy mình, tự cứu lấy mình. Cho nên Osho Chu Dịch chính là cái học của những con người tự lực tự cường; họ biết rõ Thành, Trụ, Hoại, Không là một quy

Biện Chứng Pháp Osho

luật bất di bất dịch của trời đất; vì vậy họ mong gì giàu sang, lo gì sống chết, sợ gì biến động.

Quan niệm về thời gian có thể được dùng để phân biệt giữa Dịch Cổ Điển và Osho Chu Dịch. Toàn bộ Dịch Cổ Điển có thể tóm gọn lại hai chữ "tùy thời,"(51) Dịch Cổ Điển nói, "Tùy thời chi nghĩa, ư đại hĩ tai!" - nghĩa là cái nghĩa của hai chữ "tùy thời" lớn vậy thay! Vì lấy chữ Thời làm trọng, Dịch Cổ Điển mới chỉ là cái học của thế giới hiện tượng tương đối, thay đổi nên không thể dẫn ta tìm về nhất thể - nơi đó không có người, có ta, có trời, có đất để mà tùy thời.

Dịch Cổ Điển là cái học của thời gian, của những người chết, của nghĩa trang.

Hiện nay trên diễn đàn tư tưởng thế giới, triết học Trung Hoa không còn ăn khách lắm. Tất cả những gì

độc đáo của họ đã cũ quá rồi. Đến hơn ngàn năm nay họ không còn gì mới để khoe thế giới. Cái nguồn sáng tạo đã sinh ra những thánh nhân như Lão Tử, Khổng Tử, Trang Tử, Liệt Tử... nay đã cạn rồi. Bằng chứng là gần đây, để giải quyết những bế tắc do sự thống trị của mẫn Châu và sự xâm xé của Tây Phương, người Tàu đã không tìm về nguồn sáng tạo đó mà tìm ánh sáng dẫn đường, nhưng đã rước về một chủ nghĩa hoàn toàn ngoại lai, phi nhân bản.

Từ mấy ngàn năm qua người Việt theo bước chân người Tàu như hình với bóng, như trò theo thầy. Liên hệ giữa người Việt và người Tàu thường được ví như răng và môi: môi hở răng lạnh, nhưng nhiều khi răng cắn môi đau. Trong giai đoạn mới đầy biến động này người Tàu vẫn chưa tìm ra hướng đi cho chính họ. Người Việt chờ gì nữa nơi người Tàu?

Chú Thích

- (1) Viết theo Heinz R. Pagels, *The Cosmic Code*, New York, Batam Books, 1983.
- (2) Nguyễn Hiến Lê, *Kinh Dịch: Đạo Của Người Quân Tử*, California, Văn Nghệ, 1991.
- (3) Thánh nhân cũng là siêu nhân. Nietzsche viết trong Thus Spake Zarathustra, "Người là sợi giây nối con vật và thánh nhân"
- (4) Richard Wilhelm and Cary Baynes, *The I Ching*, Princeton University Press, 3rd edition, 1981, trang xxxix.
- (5) Nguyễn đình Phong, *Osho Dịch Thuyết Cương Lĩnh*, Hồn Việt, Xuân Ất Hợi, 1995.
- (6) Nguyễn Hiến Lê, sdd, trang 304.
- (7) Phan Bội Châu, sdd, trang 399, 400.
- (8) Bác sĩ Nguyễn Văn Thọ và Huyền Linh Yến Lê, *Dịch Kinh Đại Toàn*, tác giả xuất bản, toàn bộ ba cuốn, California, 1997, tập II, trang 249.
- (9) Bác sĩ Nguyễn Văn Thọ và Huyền Linh Yến Lê, sdd, trang 177.
- (10) Nguyễn đình Phong, *Tết Đoan Ngọ* 12, Hồn Việt, tháng Sáu 1995.
- (11) Bác sĩ Nguyễn Văn Thọ và Huyền Linh Yến Lê, sdd, trang 469.
- (12) Kim Định, sdd, trang 234.
- (13) Bác sĩ Nguyễn Văn Thọ và Huyền Linh Yến Lê, sdd, trang 467
- (14) Kim Định, sdd, trang 234
- (15) Kim Định, sdd, trang 234
- (16) Bác sĩ Nguyễn Văn Thọ và Huyền Linh Yến Lê, sdd, trang 68.
- (17) Bác sĩ Nguyễn Văn Thọ và Huyền Linh Yến Lê, sdd, trang 68.
- (18) *Luận Ngữ*, thiên Tử Hân. Bản dịch của Đoàn Trung Côn, Trí Đức Tòng Thư, 1950.

- (19) Richard Wilhelm and Cary Baynes, sdd, trang xxxv.
- (20) Fung Yu-lan, *A Short History of Chinese Philosophy*, edited by Derk Bodde, trang 39.
- (21) Học giả Kim Định cũng có nhận xét tương tự. Xin đọc Cửa Khổng, New Orleans, 1997, trang 3.
- (22) Hán Chương Vũ Đình Trác, *Triết lý Nhân Bản Nguyễn Du*, California, 1993, trang 91.
- (23) Dr. Ravi Batra, *The Downfall of Capitalism and Communism*, Venus Books, Dallas, Texas, 1978.
- (24) Dr. Ravi Batra, sdd, trang 27.
- (25) P. D. Ouspensky, *A New Model of The Universe*, Vintage Books, NY, NY. 1971, pg 190.
- (26) Ezekiel 2:4-2:20, *Holly Bible*, The New King James Version.
- (27) The Revelation 1:7, Holy Bible, sdd.
- (28) Osho Rajneesh, *The Heart Sutra* (Bát Nhã Tâm Kinh).
- (29) "It is better to feed one who is above knowledge, on-sidedness, discipline and enlightenment than to feed one hundred billions of Buddhas of past, present or future" Rev. Soyen Shaku, Sermon of a Buddhist Abbot, chapter 11.
- (30) Osho Rajneesh, *The Heart Sutra*.
- (31) Chúa Jesus cũng nói, "Ta và Cha Ta là một", John 10:30, *Holy Bible*, The New King James Version.
- (32) Osho nói, "Thượng Đế và sự tạo dựng (creation) của Ngài là một. Cũng như người khiêu vũ (dancer) không thể tách rời sự khiêu vũ (dance), Thượng Đế và sự tạo dựng không thể tách rời nhau." Osho Rajneesh, *The Discipline of Transcendence*. 4 volumes, India, 1979. Khoa học hiện đang mon men đến lãnh vực của tôn giáo. Tiến sĩ Frank Tipler nói, "Vũ trụ được định nghĩa là tổng cộng của mọi vật, của toàn thể thực tại. Và theo định nghĩa đó, Thượng Đế, nếu hiện hữu, hoặc là toàn thể, hoặc một phần của vũ trụ." *The Physics of Immortality*, NY, Doubleday, 1994, page 3.

Nguyễn Đình Phong

- (33) Một số học giả đã đồng hoá Thái Cực [với Atman. Quan niệm này có vài điểm sai lầm: a). Trong Thái Cực có hai phần - một dương, một âm; mặc dù chưa bị phân chia, Thái Cực đã chứa mầm mống đối kháng, phân chia. Atman vượt hẳn trên mọi nhị nguyên, đối đãi. b). Atman không phải vật chất nên không có âm, dương. c). Bên trên Thái Cực là Vô Cực. Atman chính là Brahman nên là một thực thể duy nhất, tuyệt đối, bất sinh, bất diệt và không thể phân chia. d). Thái Cực hay Vô Cực là những khái niệm đặt ra để giải thích Dịch. Atman hay Brahman chỉ là những phương tiện giúp ta tìm đến thiên định (samadhi); gặp bất kỳ khái niệm nào, dù là Thượng Đế, Thái Cực hay Vô Cực, cũng phải vất bỏ hết; tới lúc đó ta có phủ nhận cũng là khẳng định; đó là Atman, Brahman; phương pháp này gọi là neti neti - không phải cái này, cũng không phải cái kia.
- (34) Chúa Jesus nói, "Ta là cây nho mà các con là cành." John 15:5. Hiển nhiên, cây nho và cành không phải hai.
- (35) Nguyễn đình Phong, Osho Dịch Thuyết Cương Lĩnh. Ở đây ta chỉ bàn lướt qua để sửa soạn cho phần Biện Chứng Pháp Osho.
- (36) Xin đọc thêm P.D Ouspensky, *In Search of The Miraculous*, Harcourt Brace Jonanovitch, NY, NY.
- (37) Nguyễn Hiến Lê, sđd, trang 42.
- (38) Nguyễn đình Phong, *Osho Dịch Thuyết*
- (39) Toynbee, A. J., *A Study of History*, Vol. 1, Lodon, Oxford Economic Press, 1948.
- (40) Spengler, O., *The Decline of The West*, New York, Alfred Knopf, 1937.
- (41) Capra F., *The Tao of Physics*, Boulder, Shambhala, 1983.
- (42) Lama Anagarika Govinda, *The Inner Structure of the I-Ching*, San Francisco, wheelwright Books, 1981.
- (43) Campbell J., *The Mask of God: Oriental Mythologies*, New York, Arkarna, 1962.
- (44) Guttman A., Johnson K., *Mythic Astrology*, St. Paul, Llewellyn Publications, 1993.
- (45) Học giả Kim Định bàn đến trong một tác phẩm nào đó mà tôi không nhớ rõ.
- (46) Cửu Trù này được dùng nhiều nhất trong phái Sufi, không phải của người Tàu
- (47) Osho Rajneesh, *Osho Zen Tarot*, Great Britain, St. Martin's Press, 1994.
- (48) Osho Rajneesh, *Yoga: The Alpha and The Omega*, Vol 7, India, Osho international, 1977.
- (49) And sware... there shall be time no longer - The Revelation X.6, *Holly Bible*, The Authorized King James Version, 1983.
- (50) Gary Zukav, *The Dancing Wu Li Masters*, N.Y, N.Y, Batam New Age Book, 1979. trang 154.
- (51) Nguyễn Duy Cần, *Dịch Học Tinh Hoa*, Xuân Thu, Houston, Texas, 1976, trang 158.